

DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI
CÁC HỘ DÂN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ KHÔI PHỤC SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN THÔN PHÚ THẠNH

(Ban hành kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày tháng 6 năm 2026 của UBND xã Tuy An Nam)

TT	Tên	Thiệt hại trên 70% diện tích									Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích									Tổng số tiền hỗ trợ
		Diện tích lúa			Cây hàng năm khác			Cây trồng lâu năm			Diện tích lúa			Diện tích cây hàng năm			Cây trồng lâu năm			
		Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống	Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày	Sau gieo trồng từ 10 đến 45 ngày	Sau gieo trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống	
(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	triệu đồng
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
1	NGUYỄN THÀNH ĐẠT															0.07				0.525
2	LÊ VĂN HIẾU															0.7809				5.85675
3	NGUYỄN VĂN MINH															0.065				0.4875
4	BÙI TÂN THÌN															0.07				0.525
5	NGUYỄN VĂN ANH															0.2705				2.02875
6	LÊ TÂN NGOC															0.0445				0.33375
7	PHAN THUẬN															0.152				1.14
8	TRƯƠNG MINH PHÚC															0.122				0.915
9	PHẠM TÂN MINH															0.075				0.5625
10	NGUYỄN THỊ NGAI															0.1535				1.15125
11	NGUYỄN TƯỜNG LỘC															0.0915				0.68625

12	NGUYỄN TƯỜNG CÔNG															0.04				0.3
13	NGUYỄN TƯỜNG THÀNH															0.049				0.3675
14	LÊ VĂN NGHĨA		0.18							0.0445						0.05				3.15
15	HỒ VĂN SÁU															0.047				0.3525
16	TRƯƠNG VĂN NĂM															0.07				0.525
17	NGUYỄN THỊ HƯƠNG															0.08				0.6
18	KIỀU THỊ MỸ															0.065				0.4875
19	NGUYỄN VĂN ĐỨC															0.053				0.3975
20	VÔ THỊ NAY															0.105				0.7875
21	VÔ MINH PHƯỚC															0.041				0.3075
22	LÊ VĂN VƯƠNG															0.046				0.345
23	VÔ VĂN LAI															0.065				0.4875
24	PHAN THỊ MỸ															0.056				0.42
25	NGUYỄN CA															0.109				0.8175
26	LÊ NGỌC THANH															0.02874				0.21555
27	ĐỖ VĂN KHOA															0.085				0.6375
28	NGUYỄN THANH PHONG															0.084				0.63
29	TRƯƠNG XUÂN THANH															0.0525				0.39375
30	TRƯƠNG VĂN HỒNG															0.02				0.15
31	NGUYỄN VĂN BA															0.0764				0.573
32	LÊ THỊ TRANG															0.106				0.795
33	LÊ HỒNG VŨ															0.061				0.4575
34	BÙI MINH NGỌC															0.05				0.375
35	LÊ VĂN ĐIỂM															0.107				0.8025
36	PHẠM NGỌC BÍCH				0.157											0.5288				4.908
37	THAI VĂN HOÀNG															0.075				0.5625
38	LÊ HỒNG ĐỨC															0.0459				0.34425
39	NGUYỄN VĂN HÒA															0.05				0.375
40	NGUYỄN VĂN THÂN															0.17				1.275
41	TRẦN THỊ KIM CÚC															0.047				0.3525
42	NGUYỄN CHÂU HƯƠNG															0.09				0.675
43	TRƯƠNG NGỌC DU															0.225				1.6875
44	PHẠM NGỌC THẠCH															0.4294				3.2205
45	PHAN TÂN HƯƠNG															0.122				0.915
46	PHAN VĂN BÂY																	0.4019		4.019
47	LÊ MINH THẨM																	0.087		0.87
48	NGUYỄN MINH					0.15														1.5
49	NGUYỄN HỮU CHUNG						0.2													3
50	NGUYỄN VĂN NGHĨA					0.1135														1.135
Tổng cộng		0	0.18	0	0.157	0.2635	0.2	0	0	0.0445	0	0	0	0	0	5.22464	0	0.4889	0	53.4258